

# **Bài 11**

## **NHẬT BẢN (tiếp theo)**

### **Tiết 2 KINH TẾ**

#### **I. MỤC TIÊU**

Sau bài học, học sinh cần :

##### **1. Kiến thức**

- Biết được tình hình kinh tế Nhật Bản qua một số thời kì.
- Trình bày và giải thích được sự phát triển và phân bố một số ngành công nghiệp chủ yếu của Nhật Bản.

##### **2. Kỹ năng**

- Sử dụng bản đồ (lược đồ) để nhận biết và trình bày được sự phân bố một số ngành công nghiệp.
- Nhận xét các số liệu, tư liệu về thành tựu phát triển kinh tế của Nhật Bản.

#### **II. THIẾT BỊ DẠY HỌC CẦN THIẾT**

Bản đồ Kinh tế chung Nhật Bản.

#### **III. TRỌNG TÂM BÀI**

- Tình hình kinh tế Nhật Bản từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay.
- Đặc điểm phát triển và phân bố một số ngành công nghiệp nổi tiếng của Nhật Bản.

#### **IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

##### **Mục I. Tình hình phát triển kinh tế**

*Hoạt động 1* : Tìm hiểu tình hình phát triển kinh tế

- GV yêu cầu HS đọc khổ đầu của bài, nêu khái quát về tốc độ phát triển GDP của Nhật Bản từ 1950 đến 1973.

– Sau khi một số HS trình bày ý kiến cá nhân, GV khái quát tốc độ phát triển của kinh tế Nhật Bản trong giai đoạn này, gọi đó là bước nhảy vọt thần kì. Từ đó,

đặt câu hỏi thu hút sự chú ý của HS : "Tại sao từ một nền kinh tế bị suy sụp nghiêm trọng sau chiến tranh, từ năm 1950 đến 1973, Nhật Bản đã có tốc độ tăng trưởng rất cao như vậy ?".

– GV giảng giải các nguyên nhân chủ yếu của sự phát triển nhanh chóng nền kinh tế Nhật Bản từ sau chiến tranh đến năm 1973. Lưu ý liên hệ với một số chủ trương, biện pháp phát triển kinh tế nước ta hiện nay về công nghiệp hoá, hiện đại hoá và phát triển nền kinh tế nhiều thành phần.

– Sau đó hướng dẫn HS trả lời câu hỏi trong SGK : "Cơ cấu kinh tế hai tầng có tác dụng như thế nào đối với sự phát triển nền kinh tế Nhật Bản ?".

– GV nêu thông tin : Từ sau năm 1973, tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế Nhật Bản giảm xuống, đến năm 1980 chỉ đạt 2,6% và đặt câu hỏi thu hút sự chú ý của HS : "Nguyên nhân nào làm cho nền kinh tế Nhật Bản có sự giảm sút nhanh như vậy ? Chính phủ Nhật Bản đã có những biện pháp gì để khôi phục nền kinh tế ?"

GV giảng giải về các hướng điều chỉnh chiến lược phát triển và nêu kết quả đạt được (nền kinh tế "bong bóng", với tốc độ tăng trưởng trung bình 5,3%).

– Yêu cầu HS làm việc theo nhóm, phân tích bảng 11.2, nhận xét về tình hình phát triển của nền kinh tế Nhật Bản thời kì 1990 - 2005.

– Tiếp nối trả lời của HS, GV giảng giải nội dung cuối của mục.

## **Mục II. Công nghiệp**

*Hoạt động 2* : Tìm hiểu về công nghiệp

– HS đọc thông tin ở khổ đầu của mục II ; nêu khái quát đặc điểm công nghiệp Nhật Bản, GV kết luận các ý đúng.

– HS theo nhóm cặp đôi, đọc thông tin ở bảng 11.3, trả lời câu hỏi trong SGK. Trên cơ sở ý kiến của HS, GV nhấn mạnh : các ngành công nghiệp kỹ thuật cao được chú trọng phát triển.

– Hoạt động chung toàn lớp : Quan sát lược đồ Các trung tâm công nghiệp chính của Nhật Bản, nhận xét về mức độ tập trung và đặc điểm sự phân bố của công nghiệp Nhật Bản.

## **V. THÔNG TIN**

### **1. Giải đáp các câu hỏi khó trong SGK**

– Tác dụng của cơ cấu kinh tế hai tầng đối với sự phát triển nền kinh tế Nhật Bản :

+ Tận dụng được sức lao động tại chỗ, tạo việc làm cho nhiều người lao động, giảm tỉ lệ thất nghiệp ;

+ Tận dụng được nhiều nguồn nguyên liệu ở khắp nơi ;

+ Tận dụng được các thị trường nhỏ, ở khắp các địa phương trong nước.

+ Các cơ sở sản xuất nhỏ, thủ công rất năng động, dễ chuyển đổi mỗi khi nền kinh tế gặp khó khăn.

– Các ngành công nghiệp nổi tiếng Nhật Bản có đặc điểm chung đều hướng vào kĩ thuật cao, chỉ trừ ngành dệt là ngành truyền thống hiện nay vẫn được chú trọng phát triển. Nhật Bản tập trung phát triển các ngành kĩ thuật cao, vì dựa trên ưu thế nổi bật về đặc điểm dân cư (cần cù, có tinh thần trách nhiệm cao, ham học, thông minh, sáng tạo), trong điều kiện thiếu hụt nhiều loại tài nguyên quan trọng.

– Mức độ tập trung công nghiệp rất cao. Các trung tâm công nghiệp phân bố chủ yếu ở ven biển, đặc biệt ven Thái Bình Dương, trên các đảo lớn : Hôn-su (với chuỗi đô thị từ Tô-ki-ô đến Cô-bê), Xi-cô-cư và Kiu-xiu.

## **2. Thông tin bổ sung**

### **NỀN KINH TẾ "BONG BÓNG"**

Phần lớn nguồn vốn để mở rộng sản xuất của Nhật Bản vào cuối những năm 80 của thế kỉ XX có được thông qua lạm phát tài sản trong các thị trường chứng khoán, ngân hàng và bất động sản. Người Nhật gọi đó là "nền kinh tế bong bóng".

Hiện tượng "bong bóng" này được tạo ra thông qua sự kết hợp lãi suất cho vay thấp của ngân hàng, việc nới lỏng từng phần các quy định tài chính, sự tăng giá trên thị trường chứng khoán Tô-ki-ô, giá bất động sản tăng vọt một cách phi lí.

Lo ngại trước hiện tượng khác thường này, ngân hàng Nhật Bản đã ban hành chính sách lãi suất cao vào năm 1990 và đầu năm 1991. Chính sách này làm giảm cơn sốt vay tiền đầu tư vào bất động sản và mua cổ phiếu (giá cổ phiếu trung bình trên thị trường chứng khoán Nikkei giảm từ 40.000 điểm cuối năm 1989 xuống gần 16.000 điểm cuối 1992). Nhưng do có quá nhiều khoản vay lớn bị trói buộc vào kinh doanh bất động sản và chứng khoán, nên lúc kinh tế bong bóng xẹp xuống, cũng là lúc các ngân hàng Nhật Bản đang đứng trước một núi các khoản nợ khó đòi hay không đòi được. Hệ thống tài chính tiền tệ Nhật Bản rơi vào tình trạng khó khăn, không thực hiện được chức năng của nó đối với nền kinh tế, buộc Chính phủ phải đưa ra các biện pháp cứu trợ.

## CÔNG NGHIỆP

– Trong những năm 60 của thế kỉ XX, các ngành công nghiệp thép, nhôm, hoá dầu, xi măng và những ngành khác đã tăng rất mạnh bằng cách áp dụng những kĩ thuật mới nhất và phương pháp sản xuất hàng loạt. Cuộc khủng hoảng dầu mỏ những năm 70 đã làm cho những ngành sử dụng nhiều năng lượng và các nguồn tài nguyên đã gặp khó khăn (công nghiệp thép, công nghiệp nhôm, hoá dầu, công nghiệp than, kim loại màu, dệt). Nhật Bản đã chuyển hướng phát triển ngành công nghiệp chế biến và lắp ráp tiên tiến, sản xuất ra những sản phẩm có giá trị gia tăng cao. Ví dụ, ngành điện tử, thiết bị thông tin và các thiết bị công nghiệp khác, chất bán dẫn và các linh kiện điện tử khác đã tăng nhanh chóng. Đằng sau sự tăng trưởng đó là những tiến bộ to lớn của kĩ thuật vi điện tử. Ngày nay, vi điện tử đã thâm nhập vào gần như mọi ngành công nghiệp và mạch tổ hợp đã thay thế sắt làm "bánh mì" nuôi sống các hoạt động công nghiệp.

Những thập niên gần đây, Nhật Bản đứng đầu thế giới về số lượng người máy và máy tự động hoá. Thông tin viễn thông và máy tính là một trong những ngành mũi nhọn của Nhật Bản trong thập niên 90 và những năm đầu thế kỉ XXI.

– Công nghiệp ô tô là ngành công nghiệp đứng thứ hai ở Nhật Bản. Nhật Bản có 11 công ti sản xuất các ô tô thành phẩm, kể cả 3 công ti chỉ sản xuất xe tải, song chúng chỉ là đỉnh chóp của ngọn tháp gồm 11.000 công ti cung cấp phụ tùng và đảm nhận các công việc thầu khoán. Ngành công nghiệp này sử dụng 3% lực lượng lao động Nhật Bản và chiếm 13% giá trị tổng sản lượng ngành chế tạo.

Từ đầu thập niên 80, Nhật đã trở thành nước sản xuất xe hơi đứng hàng đầu thế giới. Hiện nay, mỗi năm, Nhật sản xuất từ 10 đến 11 triệu chiếc xe hơi và vẫn đứng hàng đầu thế giới về ngành này. Công nghệ sản xuất xe hơi của Nhật luôn được cải tiến, tốn ít nguyên liệu, sử dụng ít năng lượng, mẫu mã luôn thay đổi, giá thành rẻ, do đó khả năng cạnh tranh cao.

– Về cơ cấu công nghiệp, tỉ trọng của các ngành nguyên liệu tiếp tục giảm, các ngành chế biến và lắp ráp, đặc biệt ngành máy điện đang tăng lên. Việc chuyển sang sản xuất ở nước ngoài và phân công lao động quốc tế theo chiều ngang diễn ra mạnh hơn. Khu vực tri thức và dịch vụ sẽ tiếp tục thu hút nhiều việc làm mới. Nhu cầu sẽ tăng đặc biệt mạnh đối với những dịch vụ phục vụ cho các hoạt động kinh doanh như thiết kế phần mềm, các ngân hàng thông tin, bảo dưỡng các nhà cao tầng và việc hỗ trợ kĩ thuật. Các dịch vụ cho nhu cầu tiêu dùng tối cần thiết, bao gồm y tế và chăm sóc sức khoẻ, giáo dục và giải trí sẽ tăng mạnh.

– Nhật là nước sử dụng năng lượng có hiệu quả. So với thế giới, Nhật Bản chỉ tiêu thụ 7% nguồn năng lượng, nhưng sản xuất ra tới 15% sản lượng của ngành này. Các nhà máy điện nguyên tử giữ vai trò quan trọng trong sản xuất điện.

– Công nghiệp hoá chất chiếm vị trí quan trọng trong nền kinh tế, trong đó đứng đầu là ngành hoá dầu. Ngành này đã cung cấp nhiều sản phẩm quan trọng như : axit sunphuric, thuốc nhuộm, tơ sợi tổng hợp, chất dẻo, cao su nhân tạo, phân bón, các sản phẩm từ dầu mỏ...

– Công nghiệp xây dựng là một trong những ngành chủ lực, hiện chiếm tới 20% giá trị thu nhập công nghiệp. Nhật Bản nổi tiếng về kĩ thuật xây dựng các công trình ngầm, cầu biển và các toà tháp, nhà cao tầng.

– Nhật Bản là nước đứng đầu thế giới về sản phẩm tơ tằm, cả về số lượng lẫn chất lượng. Mặc dù dựa vào nguồn nguyên liệu nhập ngoại, nhưng ngành dệt vải bông, len và dạ của Nhật vẫn sản xuất ra một số lượng lớn sản phẩm. Ngành dệt chiếm vị trí đáng kể trong cơ cấu các mặt hàng xuất khẩu.